

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 26/8/2024
V/v: “*tranh chấp nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;
2. Bà Trần Thị Ba.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “*tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 82/TB-TA ngày 04 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T1.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Nguyễn Phước T, chức vụ: Giám đốc.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: anh Lê Công V, sinh năm 1990 và chị Phạm Thị N, sinh năm 1993. Cùng địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024, tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày: vào ngày 13/11/2016, vợ chồng anh **V** và chị **N** có đến Công ty TNHH MTV T1 (sau đây gọi là công ty) mua 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha dung tích xi lanh 110m³ với số tiền 21.500.000 đồng, vợ chồng anh **V** đã trả 4.000.000 đồng và nợ lại 17.500.000 đồng. Đến ngày 24/10/2016, vợ chồng anh **V** và chị **N** tiếp tục đến Công ty mua 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha dung tích xi lanh 110m³ với số tiền 19.000.000 đồng, vợ chồng anh **V** đã trả 4.000.000 đồng và nợ lại 15.000.000 đồng, đồng thời cầm cho công ty 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 270992 do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp cho hộ Lê Công N1 (là cha ruột anh **V**) ngày 10/12/1996 để làm tin. Khoảng 01 tháng sau, vợ chồng anh **V** và chị **N** tiếp tục đến công ty mua 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha dung tích xi lanh 110m³ với số tiền 23.500.000 đồng, vợ chồng anh **V** đã trả 5.000.000 đồng và nợ lại 18.500.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng anh **V** còn nợ Công ty 51.000.000 đồng tiền mua xe. Nay, công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh **V** và chị **N** trả cho công ty số tiền còn nợ là 51.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt và không cung cấp lời trình bày liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh **V**, chị **N** cùng cư trú tại thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam thanh toán nợ mua xe, vì vậy quan hệ pháp luật giải quyết là “tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua

bán tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng mua bán xe:

Việc mua bán xe giữa Công ty TNHH MTV T1 và anh V, chị N được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại hợp đồng mua bán xe và giấy biên nhận cùng ngày 24/10/2016 thể hiện: anh V và chị N mua của Công ty TNHH MTV T1 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu đỏ đen, dung tích xi lanh 110cm³, giá mua bán 19.000.000 đồng, anh V và chị N đã thanh toán 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền 15.000.000 đồng.

Tại hợp đồng mua bán xe và giấy biên nhận cùng ngày 13/11/2016 thể hiện: anh V mua của Công ty TNHH MTV T1 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius RC màu đen trắng, dung tích xi lanh 110cm³, giá mua bán 21.500.000 đồng, anh V đã thanh toán 4.000.000 đồng, còn nợ số tiền 17.500.000 đồng.

Đối với việc mua bán xe ngày 05/01/2017, nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng, tuy nhiên giấy biên nhận ngày 05/01/2017 đã thể hiện: anh V mua của Công ty TNHH MTV T1 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius RC màu đỏ đen, dung tích xi lanh 110cm³, số tiền còn lại 18.500.000 đồng.

Từ khi nhận xe đến nay, anh V, chị N chưa thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Công ty TNHH MTV T1.

Như vậy, tổng số tiền mua xe anh V, chị N còn nợ Công ty TNHH MTV T1 là 51.000.000 đồng.

Đối với việc mua bán xe ngày 13/11/2016 và 05/01/2017, chị N không ký tên trong hợp đồng mua bán cũng như giấy biên nhận. Tuy nhiên, anh V và chị N là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q ngày 08/7/2013. Đến nay, anh V và chị N vẫn đang là vợ chồng hợp pháp nên chị N vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch mua bán xe do anh V thực hiện ngày 13/11/2016 và 05/01/2017.

Do đó, việc Công ty TNHH MTV T1 yêu cầu vợ chồng anh V và chị N có nghĩa vụ trả cho công ty số tiền mua bán xe còn nợ là 51.000.000 đồng là có căn cứ.

Công ty TNHH MTV T1 không yêu cầu bị đơn thanh toán lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 288, Điều 430, khoản 3 Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 430, khoản 3 Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty TNHH MTV T1** về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán tài sản”.

1. Buộc vợ chồng anh **Lê Công V** và chị **Phạm Thị N** có nghĩa vụ trả cho **Công ty TNHH MTV T1** do ông **Nguyễn Phước T**, chức vụ: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật tổng số tiền 51.000.000 (Năm mươi một triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 2.550.000 (Hai triệu năm trăm, năm mươi ngàn) đồng vợ chồng anh **V**, chị **N** phải chịu. Hoàn trả cho **Công ty TNHH MTV T1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.275.000 (Một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010326 ngày 23/02/2024.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/7/2024), đương sự không có mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

Nguyễn Văn Thọ